TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 194/2023/DS-PT
Ngày 30 - 11 - 2023
V/v Tranh Hợp đồng cầm cố QSD đất
Và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 140/2023/TLPT-DS ngày 11/10/2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2023/QĐ-PT ngày 30/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1988, (có mặt)

1.2. Bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1992, (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Kim N, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 30 đường Đ , Khóm 4, Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2023), (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1971, (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Huỳnh Tố H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 44H, đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/7/2023), (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lư Kim P, sinh năm 1971, (vắng mặt)

3.2. Chị Lê Thảo V, sinh năm 2001, (vắng mặt)

3.3. Em Lê Cát L, sinh năm 2006, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật của em Lê Cát L: Bà Lư Kim P, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.5. Bà Lê Kim H, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3.6. Bà Lê Thị P, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1988, bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1992 và bị đơn ông Lê Thanh B, sinh năm 1971.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H thống nhất trình bày: Ngày 24/4/2013, ông Nguyễn Văn K là cha ruột của ông Nguyễn Hoàng N thuê phần đất của mẹ ông Lê Trung H và ông Lê Thanh B chiều ngang 7m chiều dài 12m, diện tích đo đạc thực tế 69m^2 tọa lạc ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giá 12.000.000 đồng/năm, thời hạn từ ngày 24/4/2013 đến ngày 24/4/2019. Sau khi thuê đất, vợ chồng ông N, bà H cất nhà tiền chế trên đất để buôn bán, năm 2015 mẹ ông H chết, đến năm 2018, ông H không cho ông N, bà H tiếp tục thuê đất nữa mà yêu cầu ông N, bà H nhận cố đất. Do ông N, bà H đang buôn bán nên đồng ý nhận cố đất theo yêu cầu của ông H. Ngày 20/3/2018, ông N ký hợp đồng cầm cố đất phần đất đang thuê với ông H với giá 100.000.000 đồng, thời hạn cố đất 05 năm từ ngày 20/3/2018 đến ngày 20/3/2023, khi ký hợp đồng có ông B và người giáp ranh là ông Dương Văn N chứng kiến. Ngay sau ký hợp đồng ông N, bà H giao 100.000.000 đồng cho ông H, ông N và bà H quản lý, sử dụng đất đến ngày 21/11/2021 thì ông B cho người dùng tol, sắt rào chắn xung quanh phần đất ông N nhận cố của ông H, không cho ông N buôn bán và đập phá nhà trên đất khi chưa hết thời gian cố đất, với lý do phần đất ông N, bà H nhận cố là đất của ông B và ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông N, bà H yêu cầu ông B trả tiền cố đất 100.000.000 đồng do ông B là người đang quản lý đất; đồng thời, yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại tài sản do phải di dời bằng tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án làm việc, lấy lời khai ông N, bà H có yêu cầu hủy giao dịch thuê đất đối với phần đất tranh chấp nhưng không nộp đơn khởi kiện bổ sung cho yêu cầu này và Tòa án nhân dân huyện V cũng không Thông báo về

việc thụ lý yêu cầu bổ sung này. Tại phiên tòa sơ thẩm ông N, bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu xử lý hành vi nhốt người trái phép của ông B theo quy định của pháp luật và buộc ông B bồi thường tiền thuê mặt bằng khác để kinh doanh do chưa hết thời hạn cố đất nhưng ông B có hành vi rào chắn phần đất thuê, không cho ông N và bà H sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B và bà H không còn yêu cầu này nữa; đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông B về việc yêu cầu ông B bồi thường danh dự, uy tín, ảnh hưởng tinh thần.

Bị đơn ông Lê Thanh B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Hồ Huỳnh T H trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Lê Hoàng Â và cụ Nguyễn Thị Đ là cha mẹ của ông B và ông H, cụ Â chết năm 2012, năm 2013 cụ Đ cho cha mẹ của ông N thuê phần đất đang tranh chấp, thời hạn 05 năm. Sau đó, cha mẹ ông N cho ông N sử dụng, đến năm 2015 cụ Đ chết, ông B, bà H tiếp tục sử dụng đất thuê, đến ngày 20/3/2018 ông N, bà H làm hợp đồng cố phần đất thuê với ông H với số tiền 100.000.000 đồng và ông H đã nhận đủ 100.000.000 đồng của ông N, bà H, đến năm 2019 ông H chết ông B vẫn để cho ông N, bà H sử dụng đất nhưng phải trả tiền thuê đất cho ông B, do ông N, bà H trả không đủ tiền thuê đất nên ông B nhiều lần yêu cầu ông N, bà H thanh toán tiền thuê hoặc tháo dỡ nhà trả lại đất cho thuê nhưng ông N, bà H không thực hiện. Do vậy, đến ngày 31/12/2021, ông B dùng tol rào chắn đất thuê không cho ông N và bà H sử dụng, từ đó phát sinh tranh chấp, sau khi cụ Đ chết, anh em ông B đã có văn bản khước từ thừa kế tài sản cho ông B, nên ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại, trong đó có phần đất ông H cố cho ông N, bà H. Nay ông B xác định ông không được hưởng tài sản thừa kế của ông H nên không đồng ý thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H. Nay ông B có yêu cầu phản tố, yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng cho thuê giữa ông B với ông N và bà H, buộc ông N và bà H di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại phần đất thuộc một phần thửa số 47, tờ bản đồ số 75, diện tích khoảng 70m^2 và trả tiền thuê còn thiếu từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022 là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông B, bổ sung yêu cầu phản tố yêu cầu ông N và bà H trả tiền thuê đất từ tháng 01 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Kim P, bà P cũng là người đại diện theo pháp luật của em Lê Cát L trình bày: Bà P chung sống với ông H từ năm 1999, không đăng ký kết hôn, có hai người con là cháu Lê Thảo V và Lê Cát L. Đến năm 2009, bà và ông H ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2009/HNGĐ-ST ngày 27/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện V. Sau khi ly hôn, cháu Lê Thảo V và cháu Lê Cát L được giao cho chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ông H chết, cháu V và cháu L không được hưởng di sản của ông H nên vụ án không liên quan đến bà P, cháu V, cháu L và không yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày: Bà P là con của cụ Â và cụ Đ. Cụ Â và cụ Đ có 04 người con gồm ông H, ông B, bà H và bà P, năm 2020, ông B nói với bà làm giấy tờ để chuyển mục đích quyền sử dụng đất của cha mẹ mà không nói chuyển quyền sử dụng đất cho ông B đứng tên phần đất của cha mẹ nên bà mới ký giấy tờ. Do khi cha mẹ còn sống có lập Bản chúc thư chia đất cho các con. Phần đất tranh chấp giữa ông N với ông B là đất trước đây cụ Â và cụ Đ cho cha mẹ ông N và ông N thuê, sau đó ông H cố đất cho ông N. Do phần đất này, cụ Đ có lập di chúc cho chung bà P và ông H, nếu ông H có chuyển nhượng đất thì phải trả lại cho bà P 2,5m ngang đất bằng tiền mặt theo giá hiện tại nên ông H không chuyển nhượng mà chỉ cố đất cho ông N với giá 100.000.000 đồng. Năm 2019, ông H chết, năm 2021, ông B có đem 100.000.000 đồng đưa cho ông N để chuộc lại đất nhưng ông N không đồng ý, vì ông N cho rằng thời gian cố đất là 05 năm là chưa hết thời hạn chuộc đất. Ông N và bà H không thuê đất của ông B, phần đất tranh chấp là đất mà ông H đã cố cho ông N. Trường hợp ông N và bà H tháo dỡ nhà thì ông N và bà H trả lại đất cho các anh chị em là ông B, bà P và bà H, do tài sản này là di sản của cụ Â và cụ Đ chưa được chia thừa kế và đồng ý tạm giao cho ông B quản lý di sản của cụ Â và cụ Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H trình bày: Bà H là con của cụ Â và cụ Đ. Từ nhỏ đến lớn bà H sống chung với cha mẹ, sau khi cha mẹ chết thì bà H sống chung với ông B. Toàn bộ tài sản của cha mẹ do ông B đứng tên, bà H không đồng ý cho ông B đứng tên phần đất của cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày: Bà L chung sống với ông B từ tháng 12 năm 2019 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, phần đất diện tích đất 646 m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 06/7/2021, là tài sản riêng của ông B không phải là tài sản chung của vợ chồng ông B và bà L.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H yêu cầu ông Lê Thanh B trả tiền cố đất 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và bồi thường thiệt hại về tài sản 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H yêu cầu ông Lê Thanh B bồi thường danh dự, uy tín, ảnh hưởng tinh thần.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh B đối với ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H về việc yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tích 69m^2 thuộc một phần thửa 47 tờ

bản đồ số 75, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B vào ngày 06/7/2021 và yêu cầu trả tiền thuê quyền sử dụng đất 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà, buộc ông Lê Thanh B trả số tiền 100.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N, bà H rút lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với số tiền bồi thường thiệt hại tài sản 20.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2023, bị đơn ông Lê Thanh B kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố, buộc ông N, bà H di dời toàn bộ tài sản để trả lại phần đất diện tích 69m^2 tại thửa 47, tờ bản đồ số 75 và trả tiền thuê đất còn thiếu số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B rút lại một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo đối với số tiền thuê đất 30.000.000 đồng, đồng thời đồng ý hoàn trả lại cho ông N, bà H số tiền cố đất 100.000.000 đồng mà ông H đã nhận của ông N, bà H theo hợp đồng cố đất lập ngày 20/3/2018.

Tại phiên tòa ông N, bà H và ông B thống nhất thỏa thuận ông B sẽ giao trả cho ông N, bà H số tiền cố đất mà ông H đã nhận của ông N, bà H theo hợp đồng cố đất lập ngày 20/3/2018, ông B không yêu cầu ông N, bà H trả 30.000.000 đồng tiền thuê đất; ông N, bà H đồng ý tự tháo dỡ căn nhà trên phần đất diện tích 69m^2, thuộc một phần thửa 47 tờ bản đồ số 75, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 06/7/2021, không yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 20.000.000 đồng.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

[1.2] Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền thiệt hại tài sản 20.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với số tiền thuê đất 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn đồng ý và việc rút một phần yêu cầu phản tố của bị đơn được nguyên đơn đồng ý và việc rút một phần yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận, hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này.

[2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 29/6/2022 (bút lục 105-107) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu cung cấp (bút lục 112), phần đất tranh chấp có diện tích 69m^2 (có 13,3m^2 nằm trong chỉ giới quy hoạch) tọa lạc ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thuộc một phần thửa 47, tờ bản đồ số 75, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 06/7/2021. Hiện trạng trên đất có căn nhà tạm có kết cấu khung sườn thép, nền xi măng, vách thiếc, mái thiếc do ông N, bà H quản lý.

[3] Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, theo thỏa thuận của các đương sự ông B đồng ý giao trả cho ông N, bà H số tiền cố đất 100.000.000 đồng do ông H nhận của ông N, bà H, đồng thời ông N, bà H tự nguyện tháo dỡ căn nhà tạm có kết cấu khung sườn thép, nền xi măng, vách thiếc, mái thiếc xây dựng trên phần đất diện tích 69m^2, thuộc một phần thửa 47 tờ bản đồ số 75, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 06/7/2021. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 1.663.816 đồng, ông N và bà H phải chịu 831.908 đồng, ông B phải chịu 831.908 đồng. Ông N và bà H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 1.663.816 đồng, ông B phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông N và bà H số tiền 831.908 đồng đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, mặc dù các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nhưng việc thỏa thuận của các đương sự làm thay đổi nghĩa vụ của các đương sự, nên cần điều chỉnh tiền án phí sơ thẩm cho đúng theo sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Ông N và bà H không phải chịu, ông N và bà H đã nộp tạm ứng án phí 800.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000766 ngày 21/12/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại đủ. Ông B phải chịu án phí số tiền 2.500.000 đồng, ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.050.000 đồng, theo hai Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 21/01/2022 và số 0000978 ngày 19/4/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí, ông B còn phải nộp thêm số tiền 1.450.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H và ông Lê Thanh B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy một phần Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn; ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H và ông Lê Thanh B, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DSST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hoàng N, bà Phan Thị Cẩm H và ông Lê Thanh B.

1.1. Buộc ông Lê Thanh B có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H cùng có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà tạm có kết cấu khung sườn thép, nền xi măng, vách thiếc, mái thiếc xây dựng trên phần đất diện tích 69m^2, thuộc một phần thửa 47 tờ bản đồ số 75, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 702215 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Lê Thanh B ngày 06/7/2021.

2. Hủy và Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H yêu cầu ông Lê Thanh B bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và yêu cầu ông Lê Thanh B bồi thường danh dự, uy tín, ảnh hưởng tinh thần.

3. Hủy và Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh Bình yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Nam và bà Phan Thị Cẩm Hiên trả tiền thuê đất 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.663.816 đồng. ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H phải chịu chung số tiền 831.908 đồng (Tám trăm ba mươi mốt nghìn, chín trăm lẻ tám đồng), ông Lê Thanh B phải chịu số tiền 831.908 đồng (Tám trăm ba mươi mốt, nghìn chín trăm lẻ tám đồng). Buộc ông Lê Thanh B có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H số tiền 831.908 đồng (Tám trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H không phải chịu, ông Nguyễn Hoàng N và bà Phan Thị Cẩm H đã nộp tạm ứng 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000766 ngày 21/12/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, được hoàn lại đủ.

- Ông Lê Thanh B phải nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), ông Lê Thanh B đã nộp 1.050.000 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) theo hai Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 21/01/2022 và số 0000978 ngày 19/4/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí, ông Lê Thanh B còn phải nộp thêm 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Hoàng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013780 ngày 06/9/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, được chuyển thu án phí.

- Ông Lê Thanh B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Lê Thanh B đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo hai Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013777 ngày 05/9/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn